**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

**A.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu thơ Đường luật** | Đọc hiểu văn bản thơ Đường luật | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B.BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu văn bản thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ  - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ (một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÀM LẼ (Hồ Xuân Hương)**

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.*

*Năm thì mười họa chăng hay chớ*

*Một tháng đôi lần có cũng không.*

*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm,*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

*Thân này ví biết dường này nhỉ*

*Thà trước thôi đành ở vậy xong.*

(Theo Kiều Thu Hoạch, *Thơ nôm Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, 2008)

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Thất ngôn bát cú Đường luật xen lục ngôn

**Câu 2.** Ý nào **không** đúng khi nói về đặc điểm thi luật của bài thơ trên?

A. Là bài thơ theo luật trắc

B. Gieo vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

C. Ngắt nhịp theo nhịp 4/3 hoặc 3/2/2

D. Sử dụng phép đối ở các cặp câu 3-4 và 5-6

**Câu 3**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

B. Là người vợ lẽ

C. Là người vợ cả

D. Là người chồng

**Câu 4.**Đâu là thành ngữ dân gian được sử dụng trong bài thơ trên?

A. *Năm thì mười họa, một tháng đôi lần*

B. *Một tháng đôi lần, cố đấm ăn xôi*

C. *Kẻ đắp chăn bông, cầm bằng làm mướn*

D. *Năm thì mười họa, cố đấm ăn xôi*

**Câu 5.** Câu thơ nào trong bài thơ viết về sự bất công trong hôn nhân đa thê thời phong kiến xưa?

A. *Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng*

B. *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*

C. *Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*

D. *Cầm bằng làm mướn, mướn không công*

**Câu 6.** Dòng nào **không** liên quan đến nội dung biểu đạt của 2 câu thơ sau?

*Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*

*Cầm bằng làm mướn, mướn không công*

A. Vì khát vọng một chút hạnh phúc lứa đôi nhỏ nhoi mà người đàn bà phải hạ mình "cố đấm ăn xôi", chấp nhận mang thân đi làm lẽ.

B. Khi chấp nhận cảnh làm lẽ rồi, người vợ lẽ mới nhận ra bản chất xấu xa của chế độ đa thê.

C. Hai câu thơ diễn tả tâm trạng tủi nhục, uất hận của kiếp làm lẽ.

D. Hai câu thơ diễn tả sức sống mãnh liệt của Hồ Xuân Hương dù phải sống trong cảnh làm lẽ tủi cực.

**Câu 7.** Giọng điệu chủ đạo của bài thơ là gì?

A. Trữ tình sâu lắng

B. Mỉa mai – châm biếm

C. Đả kích

D. Thủ thỉ tâm sự

**Câu 8.** Bài thơ khiến ta liên tưởng đến cảnh ngộ của Hồ Xuân Hương trong câu thơ nào sau đây?

A. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn - Bảy nổi ba chìm với nước non*

B. *Có phải duyên nhau thì thắm lại - Đừng xanh như lá, bạc như vôi*

C. *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn - Trơ cái hồng nhan với nước non*

D. *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Phân tích tác dụng của việc vận dụng thành ngữ trong bài thơ.

**Câu 10.** Cảm nhận về tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình thể hiện trong bài thơ.

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Phân tích bài thơ “*Làm lẽ”*****của Hồ Xuân Hương.**

**GỢI Ý ĐÁP ÁN -HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 8** | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **B** | **C** | **B** | **D** | **A** | **D** | **C** | **D** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 4.0 |
| **9** | - Các thành ngữ dân gian được sử dụng trong bài thơ: *Năm thì mười họa* (thưa thớt, lúc có lúc không), *cố đấm ăn xôi* (cố nhẫn nhục, chịu đựng để theo đuổi, hi vọng điều gì đó). Các thành ngữ được lấy ý, lược bớt từ (*gặp chăng hay chớ, làm mướn không công*) (0.25)  - Tác dụng của việc sử dụng các thành ngữ dân gian:  + Thể hiện tình cảnh làm lẽ đáng thương của Hồ Xuân Hương: không được quan tâm đoái hoài đến dù bản thân đã cố nhẫn nhịn, chịu đựng nhưng không có kết quả gì. (0.5)  + Đồng thời sử dụng thành ngữ còn làm cho lời thơ thêm hàm súc, biểu cảm, mang sắc điệu dân gian.. (0.25)  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời như đáp án: 1.0 điểm*  *- Ở ý tác dụng: Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0.25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | Tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình (Hồ Xuân Hương trong thân phận người vợ lẽ) thể hiện trong bài thơ:  - Nỗi chua xót, cay đắng, bẽ bàng khi phải sống trong cảnh làm lẽ nhiều bất công. Cuối bài thơ bà còn cảm thấy hối hận vì đã quyết định mang thân đi làm vợ lẽ.  - Bài thơ thể hiện thái độ phản kháng mãnh liệt của Hồ Xuân Hương đối với chế độ đa thê trong xã hội phong kiến xưa. Thái độ ấy được thể hiện ngay trong cách nói dữ dội: *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung..*  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời 2 ý như đáp án: 1.0 điểm*  *- Chỉ trả lời được 1 ý: 0.5 điểm.*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
| **Viết bài văn nghị luận phân tích bài thơ “*Làm lẽ”* (Hồ Xuân Hương)** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích bài thơ “*Làm lẽ”* (Hồ Xuân Hương) | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\***Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương và bài thơ “Làm lẽ”. | 0.5 |
| **\*Phân tích nội dung của bài thơ:**  **-** 2 câu đầu: Tiếng chửi đầy uất ức dồn nén của nhà thơ đối với chế độ hôn nhân đa thê thời phong kiến;  - 4 câu tiếp: Nỗi đau đớn, tủi nhục, bẽ bàng trong thân phận làm lẽ hẩm hiu của người phụ nữ;  - 2 câu cuối: Lời tự nhủ chua chát khi nhận thức sâu sắc tấn bi kịch làm lẽ, cũng là lời phản kháng, đòi quyền sống, quyền hạnh phúc của người phụ nữ.  **\*Phân tích nghệ thuật của bài thơ:**  + Giọng điệu trữ tình, sâu lắng  + Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với ngôn ngữ hàm súc; vận dụng sáng tạo các thành ngữ dân gian đặc sắc (*cố đấm ăn xôi, năm thì mười họa, gặp chăng hay chớ, làm mướn không công*); vận dụng tiếng chửi dân gian,..  + Vận dụng thủ pháp đối tài tình,…  **\*Hướng dẫn chấm:**  - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm – 1,75 điểm.  - Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm – 1,25 điểm.  - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.. | 1.75 |
| - Khẳng định ý nghĩa và vị trí của bài thơ.  - Nêu thông điệp rút ra từ bài thơ (nếu có).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh, cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |